

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5-NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/DS-ST
Ngày 03 - 02 - 2026
V/v: “Tranh chấp thừa kế tài sản; Công nhận di chúc, công nhận quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh và ông Đinh Tuấn Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2025 về “Tranh chấp thừa kế tài sản; công nhận di chúc; công nhận quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2026/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2026/QĐST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1953; địa chỉ: Thôn Th, xã Th 1, thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là tổ dân phố Th 1, phường L, tỉnh Ninh Bình). Người đại diện theo uỷ quyền: Anh Trương Văn S, sinh năm 1981, địa chỉ: Tổ 7, phường L, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam (nay là tổ 7, phường Ph, tỉnh Ninh Bình); có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Lê Văn Th, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Thôn S, xã Ph, huyện L, tỉnh H (nay là thôn S, xã A, tỉnh Ph); vắng mặt.

2. Ông Lê Công Nguyên, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Tổ dân phố Th, xã Th1, thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là tổ dân phố Th 1, phường L, tỉnh Ninh Bình); vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Trần T, sinh năm 1961; đề nghị xét xử vắng mặt.
2. Bà Lê Thị H, sinh năm 1964; đề nghị xét xử vắng mặt.
3. Bà Lê Thị H1, sinh năm 1971; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã Ph, huyện L, tỉnh Hoà Bình (nay là thôn S, xã A, tỉnh Ph).

4. Ủy ban nhân dân xã Th1, thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hữu Th2, chức vụ: Chủ tịch. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng: Ủy ban nhân dân phường L, tỉnh Ninh Bình. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Trọng Đ. Chức vụ: Chủ tịch; đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Hồng H2, sinh năm 1962; đề nghị xét xử vắng mặt.
2. Ông Phạm Hồng S, sinh năm 1964; đề nghị xét xử vắng mặt.
3. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1968; đề nghị xét xử vắng mặt.
4. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1949; đề nghị xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố Th1, phường L, tỉnh Ninh Bình;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/02/2025 và lời khai tại Tòa án, Bà Nguyễn Thị Nh là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Lê Minh Ch kết hôn năm 1989 tại UBND xã Th1, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, ông bà không có con chung, bà không có con riêng. Trước khi kết hôn với Bà Nh thì ông Ch đã kết hôn với bà Đỗ Thị H3 (đã ly hôn) và có 05 người con chung là ông Lê Trần T, bà Lê Thị H, ông Lê Văn Th, bà Lê Thị H2, ông Lê Công Ng. Ông Ch không còn người con đẻ, con nuôi, người vợ nào khác, bố mẹ đẻ ông Ch đã chết từ lâu, ông Ch không có bố mẹ nuôi. Quá trình chung sống bà Nh và ông Ch có tạo dựng được diện tích đất 122m², thửa đất số 115, tờ bản đồ PL1, tại xóm 1, Thôn Th, xã Th1, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là tổ dân phố Th 1, phường L, tỉnh Ninh Bình) đã được UBND huyện Kim Bảng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 609482 ngày 25/8/2009 đứng tên người sử dụng đất Bà Nguyễn Thị Nh. Về nguồn gốc đất: Năm 1998, vợ chồng bà Nh ông Ch nhận chuyển nhượng của ông Chu Văn B thửa đất số 115, tờ bản đồ PL01, diện tích 144 m² tại địa chỉ: Xóm 1 Thôn Th, xã Th1, huyện Kim Bảng (nay là tổ dân phố Th1, phường L, tỉnh Ninh Bình), được UBND huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Lê Minh Ch và Bà Nguyễn Thị Nh. Sau khi ông Ch chết, bà Nh được UBND huyện Kim Bảng cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 609482 ngày 25/8/2009 đứng tên một mình Bà Nguyễn Thị Nh. Trên đất ông Ch, bà Nh cùng xây dựng được 01 nhà mái bằng, 01 nhà cấp bốn trên đất. Tiền mua đất và xây dựng trên đất là do công

sức của hai vợ chồng, nhưng chủ yếu là của bà Nh lao động, tích lũy. Từ trước đến nay bà Nh sinh sống, quản lý ở nhà đất này và nộp thuế đất hàng năm theo quy định. Trước khi ông Ch chết, ông Ch để lại 02 bản di chúc, cụ thể: Ngày 22/3/2006, ông Ch tổ chức họp gia đình gồm ông Ch, bà Nh, anh, em ruột, các con đẻ, con dâu, con rể của ông Ch để lập di chúc, trong đó di chúc thể hiện nguyện vọng: Sau khi ông qua đời, giao cho bà Nh có toàn quyền sở hữu đối với tài sản gồm nhà đất, dụng cụ đồ đạc trong nhà hiện có để đầy, bán đi, cho ai là quyền của bà Nh. Bản di chúc có tất cả những thành viên tham gia ký tên và có xác nhận, chữ ký của Trưởng xóm 1 Th là ông Nguyễn Văn V. Ngày 02/5/2006, ông Ch tiếp tục lập di chúc có chứng thực của UBND xã Th thể hiện nguyện vọng: Khi tôi qua đời trước vợ tôi thì tôi giao quyền thừa kế cho vợ tôi là Bà Nguyễn Thị Nh được toàn quyền sở hữu, định đoạt số tài sản mà tôi và bà Nh đã tự lập nên.

Về công sức đóng góp, tôn tạo nền đất, bảo quản di sản: Bà Nh trình bày một mình bà tôn tạo nền đất, xây dựng và trông coi, ở trên nhà đất từ khi ông Ch mất đi đến nay, các con riêng của ông Ch không có công sức đóng góp gì. Về diện tích đất nông nghiệp, nghĩa vụ của ông Ch để lại không có. Nay xảy ra tranh chấp bà Nh yêu cầu Tòa án giải quyết: Công nhận bản di chúc của ông Lê Minh Ch để lại là hợp pháp. Công nhận quyền sử dụng diện tích đất 122m² thuộc thửa đất số 115, tờ bản đồ số PL1, địa chỉ: Xóm 1 Th, xã Th1, huyện Kim Bảng (nay là tổ dân phố Th 1, phường L, tỉnh Ninh Bình) thuộc quyền quản lý sử dụng của bà Nh.

Ý kiến của bị đơn ông Lê Văn Th trình bày: Bố ông là ông Lê Minh Ch và mẹ ông là bà Đỗ Thị H3, sinh ra được 5 người con gồm ông Lê Trần T, bà Lê Thị H1, ông Lê Văn Th, bà Lê Thị H3, ông Lê Công Ng. Năm 1980, do điều kiện kinh tế khó khăn nên bố mẹ đẻ ông đi làm kinh tế tại thôn S, xã Ph, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Đến năm 1987, do mâu thuẫn gia đình, bố mẹ ông đã ly hôn. Đến năm 1989, bố ông là Lê Minh Ch kết hôn với Bà Nguyễn Thị Nh và không có con chung, sau đó sinh sống trên diện đất 144m² tại xóm 1 Th, xã Th1, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Ông được biết mảnh đất đó là bố ông làm đơn xin UBND cấp đất, đến khi lấy bà Nh thì xã có Quyết định cấp đất. Hai ông bà cùng kiến thiết, xây dựng trên mảnh đất đó. Do bố ông là con trưởng nên việc thờ cúng tổ tiên đều ở chỗ bố ông. Bà Nh có ý định bán đất không nói với con cháu trong gia đình vì đây là nơi thờ cúng tổ tiên ông bà. Bà Nh vẫn có tài chính, không cần phải bán đất đi, mong Tòa án hòa giải cho gia đình, giữ lại mảnh đất để gia đình ông có chỗ thờ cúng. Nay xảy ra tranh chấp ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị đơn ông Lê Công Ng trình bày: Về quan hệ huyết thống và di sản thừa kế theo nguyên đơn đã trình bày là đúng. Bố ông là Lê Minh Ch, mẹ

ông là Đỗ Thị H3, cả hai đều mất năm 2007. Bố mẹ ông sinh được 05 người con gồm 03 trai, 02 gái. Năm 1980, bố mẹ ông đi khai hoang, làm kinh tế mới ở thôn S, xã Ph, huyện L, tỉnh Hòa Bình, đến năm 1987, bố mẹ ông ly hôn. Năm 1995, ông đến sống cùng bố ông và nhập khẩu hộ gia đình bố ông ở xóm 1 xã Th, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Về nguồn gốc thửa đất bố ông và bà Nh ở, ông nghe bố ông kể là xin xã cấp đất và được UBND xã Th, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam cấp vì bố ông là cán bộ chính sách. Sau khi bố ông chết, Bà Nh tự ý chuyển tên sổ đỏ sang tên bà Nh. Khoảng năm 2000, ông có xây 01 căn phòng diện tích 24m² trên thửa đất, sau đó, ông chuyển đi. Ngày 22/3/2006, gia đình ông có tổ chức họp bàn về di chúc thửa đất đó, ông có tham gia, ký tên nhưng nội dung cuộc họp ông không nhớ. Bản di chúc ngày 02/5/2006 thì ông không biết. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Bà Nh đang giữ, có bị cầm cố thế chấp hay không ông không biết. Do Bà Nh tự ý bán diện tích đất, không bàn bạc với con cháu xem có ai có nhu cầu mua không, ông đề nghị Tòa án hòa giải trong nội bộ gia đình, giữ lại thửa đất trên để thờ cúng bố ông.

- Ý kiến của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị H1 trình bày: Bà là con gái của ông Lê Minh Ch và bà Đỗ Thị H3, bố mẹ bà sinh ra được 5 người con gồm ông Lê Trần T, bà Lê Thị H, ông Lê Văn Th, bà Lê Thị H1, ông Lê Công Ng. Sau khi bố mẹ bà ly hôn, đến năm 1989, bố bà và Bà Nh đã kết hôn và sinh sống trên thửa đất 144m². Về nguồn gốc đất theo bà được biết là bố bà làm đơn xin UBND cấp đất, đến khi lấy Bà Nh thì xã có Quyết định cấp đất. Bà Nh cùng bố bà kiến thiết, xây dựng nhà trên mảnh đất đó. Do bố bà là con trưởng trong họ, nên việc thờ cúng tổ tiên đều ở chỗ bố bà. Bà Nh bán đất không nói với con cháu trong gia đình vì đây là nơi thờ cúng tổ tiên ông bà. Bà Nh vẫn có tài chính, không cần phải bán đất đi, mong Tòa án hòa giải cho gia đình, giữ lại mảnh đất để các ông bà có chỗ thờ cúng.

Bà Lê Thị H, ông Lê Trần T trình bày: Về quan hệ huyết thống và di sản thừa kế theo nguyên đơn đã trình bày là đúng. Trước khi chết, ông Lê Minh Ch để lại diện tích đất và tài sản trên đất tại Thôn Th, xã Th1, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam mà hiện nay Bà Nh đang quản lý, sử dụng. Diện tích đất này là tài sản chung của ông Ch, bà Nh. Nguồn gốc đất là do ông Ch được UBND xã cấp sau đó ông Ch, Bà Nh sinh sống trên đất và cùng bỏ tiền ra làm sổ đỏ. Ông Ch có để lại di chúc hay không thì ông bà không biết cũng không ký vào di chúc. Các ông bà không có ý kiến gì về bản di chúc của ông Ch và cũng không biết nội dung của di chúc như thế nào. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tòa án mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, ông bà xin không tham gia toàn bộ quá trình tố tụng, ông bà xin được giải quyết và xét xử vắng mặt.

UBND phường L trình bày:

Về quan hệ huyết thống: Ông Ch, Bà Nh có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Sơn năm 1989, không có con chung. Ông Ch có vợ trước là bà Đỗ Thị H, sinh năm 1936, chết năm 2007. Ông Ch, bà H có 05 người con là ông Lê Trần T, sinh năm 1961; bà Lê Thị H, sinh năm 1963; ông Lê Văn Th, sinh năm 1967; bà Lê Thị H1, sinh năm 1971; ông Lê Công Ng, sinh năm 1976. Ông Ch không còn người con đẻ, con nuôi, người vợ, chồng nào khác, bố mẹ đẻ ông Ch đã chết từ lâu, ông Ch không có bố mẹ nuôi. Ông Ch có để lại di chúc ngày 02/5/2006 có chứng thực của Phó chủ tịch UBND xã Th1 là ông Nguyễn Hồng H2. Ngoài ra khi ông Ch chết năm 2007 có để lại di chúc nào khác thì UBND phường không nắm được. Về nguồn gốc sử dụng đất: Theo các tài liệu lưu trữ tại UBND xã Th (nay là UBND phường L, tỉnh Ninh Bình) ông Ch và Bà Nh có liên quan đến các thửa đất sau: Năm 1986, theo bản đồ địa chính và sổ mục kê đất đai tại tờ bản đồ số 1: Thửa đất số 111, diện tích 620m² trong đó đất thổ cư là 270m², đất thổ canh là 225m², đất ao là 125m² mang tên ông Lê Minh Ch. Thửa đất số 76, diện tích 340m, trong đó có 272m² đất thổ cư mang tên Chu Văn B, 68m² đất thổ canh của HTX. Năm 1998, theo bản đồ địa chính và sổ mục kê đất đai tại tờ bản đồ số 1: Thửa đất số 128, diện tích 645m². Trong đó đất ở là 253m, đất vườn là 272m² (thời hạn sử dụng đến tháng 12/2013), chủ sử dụng là ông Lê Minh Ch Bà Nguyễn Thị Nh (có tên trên sổ địa chính). Thửa đất này có nguồn gốc từ thửa đất số 111, bản đồ địa chính năm 1986. Thửa đất số 99, diện tích 144m² đất ở, chủ sử dụng đất là ông Lê Minh Ch, Bà Nguyễn Thị Nh (có tên trên sổ địa chính). Thửa đất này có nguồn gốc từ thửa đất số 76, bản đồ địa chính năm 1986. Năm 2007, theo bản đồ địa chính và sổ mục kê đất đai tại tờ bản đồ số 1: Thửa đất số 115, diện tích 122m² đất ở mang tên Bà Nguyễn Thị Nh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 1999/QĐ-UB ngày 25/8/2009. Nguồn gốc là đất công nhận, thửa đất này có nguồn gốc từ thửa đất số 99, bản đồ địa chính năm 1998. Thửa đất số 183, diện tích 291m đất ở mang tên ông Lê Công Ng, bà Vũ Thị Th đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 1724/QĐ-UB ngày 16/5/2013. Có nguồn gốc đất ông Ch và Bà Nh từ thửa đất số 128 năm 1998. Thửa đất số 184, diện tích 402m² đất ở mang tên ông Lê Công Ng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 1724/QĐ-UB ngày 16/5/2013. Có nguồn gốc đất ông Ch và Bà Nh từ thửa đất số 128 năm 1998. Thửa đất số 115, tờ bản đồ PL1 Bà Nhđang đề nghị giải quyết có nguồn gốc từ thửa đất số 76 (năm 1986) của ông Chu Văn B nay ông B đã chết. Việc mua bán giữa ông Ch và Bà Nh với ông B có giấy tờ mua bán không hiện nay UBND phường không lưu giữ. Thửa đất số 115 có sự biến động từ 144m² năm 1998 đến năm 2007 đo đạc hiện trạng còn 122m², nguyên nhân giảm diện tích là do làm đường mở rộng QL21B nay là đường ĐT494. Năm 1998, ông Ch

và Bà Nh có tên trên hồ sơ địa chính. Quá trình sử dụng đất ông Ch và Bà Nh có tôn tạo nền đất hay không địa phương không nắm được. Trên đất có 01 nhà mái bằng 01 tầng và 01 nhà mái cấp 4 lợp mái Plo xi măng, do ai xây dựng địa phương không nắm được. Hiện nay chỉ có mình Bà Nh đang ở trên đất. Khi Bà Nh ở một mình trên đất không có ai tranh chấp gì. Không ai được cấp chung quyền sử dụng đất với bà Nh. Các con riêng của ông Ch có công sức đóng góp gì trên đất không địa phương không nắm được. UBND xã Th1 (nay là UBND phường L) đã tiến hành hoà giải giữa Bà Nh và các con ông Ch nhưng không thành. Về nghĩa vụ thuế nhà đất: Thuế nhà đất do Bà Nh đóng, một năm là 73.200 đồng. Về nghĩa vụ tại địa phương: Ông Ch không để lại nghĩa vụ nợ tại địa phương. Về đất nông nghiệp: Ông Ch và Bà Nh không có diện tích đất nông nghiệp tại địa phương. Đối với diện tích đất đang tranh chấp không vi phạm quy hoạch, kế hoạch gì. Vì vậy UBND phường L đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Ý kiến của những người làm chứng: Ông Nguyễn Hồng H2, ông Phạm Hồng S đều trình bày: Bản di chúc lập ngày 02/5/2006 được ông Lê Minh Ch trực tiếp mang đến UBND xã Th, trình bày có nguyện vọng lập di chúc, giao quyền sử dụng, định đoạt thửa đất ông Ch, Bà Nh đang ở cho Bà Nh quản lý sử dụng. Khi đó ông Ch còn khỏe mạnh, minh mẫn, lập di chúc hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đó, ông Phạm Hồng S là cán bộ tư pháp xã đã viết lời chứng, ông Nguyễn Hồng H2 là Phó chủ tịch xã đã ký, đóng dấu xác nhận. Ông đề nghị Toà án giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt ông.

Ông Nguyễn Văn V trình bày: Năm 2006, ông là trưởng xóm 1 Thôn Th, xã Th1, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Thời điểm đó, ông Ch còn khỏe mạnh, tinh táo. Ngày 22/3/2006, ông Ch mời ông sang nhà ông Ch Bà Nh chứng kiến việc ông Ch viết di chúc nhưng ông bận việc không sang được. Sau khi họp xong, ông Ch mang di chúc sang nhà ông, nhờ ông xác nhận phần xóm trưởng xóm 1. Ông thấy ông Ch nói là đã báo các con rể, con dâu, rể, em trai, gái, em dâu có mặt đầy đủ và cùng ký tên vào di chúc; ông Ch nói có nguyện vọng để lại toàn bộ thửa đất 144 m² ở xóm 1 Th, xã Th1, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam và tài sản trên đất mà ông Ch Bà Nh đang ở cho Bà Nh toàn quyền sở hữu vì công sức và tiền mua đất, xây nhà chủ yếu là của Bà Nh bỏ ra. Ông ký, viết tên mình vào phần cuối di chúc để xác nhận ý chí của ông Ch. Ngoài nội dung đã nêu, ông không nhớ di chúc còn viết nội dung gì khác không. Nguồn gốc thửa đất 144m² là do bà Nh, ông Ch mua của ông Chu Văn B, ông B nay đã chết. Sau đó, địa phương làm đường, Bà Nh đã hiến 22m² nên diện tích Bà Nh đứng tên còn 122m², từ khi ông Ch mất, chỉ có Bà Nh sống, quản lý mảnh đất và đóng thuế đất hàng năm. Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật, đảm bảo quyền lợi

cho Bà Nh vì Bà Nh tuổi cao, ở một mình, không có người chăm sóc, do bận công việc nên ông đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt ông.

Bà Nguyễn Thị H3 trình bày: Bà sống bên cạnh, đồng thời là vợ ông Lê Minh Ch1 (em trai ông Ch), chồng bà đã mất. Ngày 22/3/2006, hai vợ chồng bà được ông Ch mời sang nhà để chứng kiến việc ông Ch viết di chúc. Khi đó, ông Ch vẫn khỏe mạnh, tỉnh táo. Hôm đó, ngoài vợ chồng bà còn có các con đẻ, con dâu, rể của ông Ch; vợ chồng ông Ch1 (em trai ông Ch hiện bị tai biến không nói được), bà A (vợ ông Ch đã mất); ông C (em trai ông Ch đã chuyển vào sinh sống ở miền Trung không rõ địa chỉ), bà L (em gái ông Ch hiện đau ốm, không đi lại được). Tất cả đều ký tên xác nhận chứng kiến vào bản di chúc của ông Ch. Bà không nhớ chính xác nội dung di chúc, chỉ nhớ là ông Ch có nguyện vọng sau khi ông Ch mất sẽ giao toàn bộ diện tích thửa đất 144m² mà ông Ch, Bà Nh đang sinh sống tại xóm 1 Th, xã Th1, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam và tài sản trên đất cho Bà Nh toàn quyền quản lý, định đoạt. Việc bán đất hay cho ai là Bà Nh toàn quyền quyết định. Thửa đất ông Ch, Bà Nh đang sinh sống là do ông bà mua, tự vượt lập, xây dựng nhà cửa, các con của ông Ch không ai có đóng góp công sức gì và bà đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt bà.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết: Công nhận bản di chúc của ông Lê Minh Ch để lại là hợp pháp; Công nhận quyền sử dụng diện tích đất 122m², thửa đất số 115, tờ bản đồ PL1, tại xóm 1, Thôn Th, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là tổ dân phố Th 1, phường L, tỉnh Ninh Bình) đã được UBND huyện Kim Bảng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 609482 ngày 25/8/2009 đứng tên Bà Nguyễn Thị Nh theo quy định của pháp luật. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia Tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 5 Điều 26, 35, 39, 157, 165, Điều 647, 648, 649, 652, 653, 657, khoản 1 Điều 667 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 28 Luật Hôn nhân, gia đình năm 2000; Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Nh: Công nhận bản di chúc lập ngày 02/5/2006 của ông Lê Minh Ch là hợp pháp; công nhận quyền sử dụng đối với thửa đất số 115, tờ bản đồ PL1 diện tích 122 m² của Bà Nguyễn Thị Nh. Về án phí: Bà Nh được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Về chi phí đo đạc thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Bà Nh xin chịu chi phí đo đạc xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 4.800.000đồng nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận bản di chúc của ông Lê Minh Ch để lại là hợp pháp; Công nhận diện tích đất 122m², thửa đất số 115, tờ bản đồ PL1, tại xóm 1, Thôn Th, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là tổ dân phố Th 1, phường L, tỉnh Ninh Bình) đã được UBND huyện Kim Bảng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 609482 ngày 25/8/2009 đứng tên Bà Nguyễn Thị Nh theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã Kim Bảng (Nay là TAND khu vực 5 - Ninh Bình). Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Nh ủy quyền anh Trương Văn S. Bị đơn ông Lê Văn Th, ông Lê Công Ng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H1 đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Trần T, bà Lê Thị H, bà Lê Thị H1, ông Lê Trọng Đ và những người làm chứng là ông Nguyễn Hồng H2, ông Phạm Hồng S, ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị H3 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa không ai đề nghị hoãn phiên tòa, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ông Lê Minh Ch, sinh năm 1931, chết ngày 24/10/2007. Ngày 15/02/2025, Bà Nguyễn Thị Nh khởi kiện về thừa kế, công nhận di chúc lập ngày 02/5/2006 là hợp pháp và công nhận quyền sử dụng đất thửa 115, tờ PL1, diện tích đất 122m² tại xóm 1, Thôn Th, xã Th1, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (Nay là tổ dân phố Th 1, phường L, tỉnh Ninh Bình) nên thời hiệu về thừa kế vẫn còn.

[3] Tại phiên tòa và quá trình thu thập chứng cứ, lời thừa nhận của các đương sự thì: Bà Nguyễn Thị Nh và ông Lê Minh Ch kết hôn năm 1989 tại UBND xã Th, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, ông Ch và Bà Nh không có con chung. Bố mẹ đẻ của ông Ch đã chết từ lâu, ông Ch không có bố mẹ nuôi, con nuôi. Trước khi kết hôn với Bà Nguyễn Thị Nh, ông Ch đã kết hôn với bà Đỗ Thị H và sinh ra được 05 người con gồm ông Lê Trần T, bà Lê Thị H, ông Lê Văn Th, bà Lê Thị H1, ông Lê Công Ng. Đến năm 1978, ông Ch và bà Đỗ Thị H3 ly hôn, bà Đỗ Thị H3 đã chết ngày 25/3/2007 nên xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Minh Ch gồm Bà Nguyễn Thị Nh, ông Lê Trần T, bà Lê Thị H, ông Lê Văn Th, bà Lê Thị H1, ông Lê Công Ng.

Quá trình chung sống giữa ông Ch và Bà Nh đã tạo dựng được thửa đất số 115, tờ bản đồ PL01, diện tích 122m² trên đất có 01 nhà mái bằng, 01 nhà cấp bốn lợp Proximăng, địa chỉ: Xóm 1 Thôn Th, xã Th1, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là phường L, tỉnh Ninh Bình), được UBND huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Lê Minh Ch và Bà Nguyễn Thị Nh. Sau khi ông Ch chết, ngày 25/8/2009 Bà Nh được UBND huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 609482 đứng tên người sử dụng đất Bà Nguyễn Thị Nh. Từ đó đến nay Bà Nh sinh sống, quản lý và ở trên đất này. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Bà Nguyễn Thị Nh đang quản lý, không bị cầm cố thế chấp. Khi còn sống ông Lê Minh Ch đã lập 02 bản di chúc, cụ thể: Ngày 22/3/2006, ông Ch tổ chức họp gia đình gồm vợ chồng các anh, em ruột, con đẻ, dâu, rể của ông Ch, thông qua bản di chúc của ông Ch trong đó thể hiện nguyện vọng: Sau khi ông qua đời, giao cho Bà Nh có toàn quyền sở hữu đối với tài sản gồm nhà đất, dụng cụ đồ đạc trong nhà hiện có; để đấy, bán đi, cho ai là quyền của bà Nh. Trong bản di chúc, tất cả những người tham gia đều ký tên, ngoài ra, có lời xác nhận, chữ ký của trưởng xóm 1 Th1 là ông Nguyễn Văn V. Ngày 02/5/2006, ông Ch tiếp tục lập 01 bản di chúc có chứng thực của UBND xã Th1 thể hiện nguyện vọng: “...khi tôi qua đời trước vợ tôi thì tôi giao quyền thừa kế cho vợ tôi là Bà Nguyễn Thị Nh được toàn quyền sở hữu, định đoạt số tài sản mà tôi và Bà Nh đã tự lập”.

[1] Xét 02 bản di chúc ông Lê Minh Ch để lại:

Đối với Bản di chúc ông Lê Minh Ch lập ngày 22/3/2006, có chữ ký của các em trai, em dâu, con trai, gái, dâu, rể của ông Lê Minh Ch và xác nhận của trưởng xóm 1 là ông Nguyễn Văn V. Lời khai của những người liên quan, người làm chứng đều xác nhận nội dung và chữ ký của mình trong bản di chúc, không yêu cầu giám định chữ viết. Tuy nhiên về hình thức, nguyên đơn không cung cấp được bản chính của di chúc này mà chỉ có bản phô tô nên không xem xét.

Đối với Bản di chúc ông Lê Minh Ch lập ngày 02/5/2006: Di chúc được lập thành văn bản, được UBND xã Th1, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam chứng thực theo đúng quy định tại Điều 635 Bộ luật Dân sự 2015. Về nội dung: ông Ch lập di chúc với nội dung “giao toàn bộ quyền sử dụng thửa đất số 99, diện tích 144m², tại xóm 1 xã Th1, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là tổ dân phố Th1, phường L, tỉnh Ninh Bình) và toàn bộ tài sản trên đất (gồm 02 căn nhà mái bằng diện tích 70m² và các công trình phụ) là công sức đóng góp chung của ông và bà Nh. Mảnh đất có tứ cận: phía Đông giáp nhà bà K có chiều dài 10m, phía Tây giáp đường 21A có chiều dài 10m, phía Bắc giáp nhà bà Đ có chiều dài 14m; phía Nam giáp nhà ông B có chiều dài 14m. Sau khi ông Ch chết, Bà Nh có toàn quyền sở hữu, định đoạt số tài sản mà ông cùng Bà Nh đã tự lập nên. Các con không được có ý kiến gì”.

Quá trình xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ thì thửa đất số 115, tờ bản đồ số PL1 diện tích 122m² Bà Nh đang đứng tên quyền sử dụng đất có nguồn gốc từ thửa đất số 99, diện tích 144m² trong di chúc của ông Ch. Sau khi ông Ch mất, Bà Nh đã làm thủ tục đề nghị UBND huyện Kim Bảng cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 609482. Thửa đất có sự biến động từ 144m² đến nay giảm còn 122m² là do làm đường mở rộng QL21A nay là đường ĐT 494. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 28/11/2025 tại thửa đất số 115 tờ bản đồ PL1 diện tích 122m² trên đường ĐT 494 xác định thửa đất và tài sản trên đất là phù hợp giữa nội dung di chúc và hiện trạng thực tế. Hội đồng định giá đất 25.000.000 đồng x 122m² = 3.050.000.000đồng; 01 nhà mái bằng và công trình phụ, tường gạch đã hết khấu hao. Lán tôn phía trước trị giá 3.855.600đồng, lán tôn phía sau trị giá 734.400đồng. Tổng 3.054.590.000đồng. Các đương sự không ai khiếu nại, thắc mắc gì về kết quả xem xét, thẩm định, định giá. Do đó việc ông Lê Minh Ch di chúc để lại thửa đất và toàn bộ tài sản trên đất cho Bà Nguyễn Thị Nh là không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên di chúc ngày 02/5/2006 của ông Lê Minh Ch là hợp pháp nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn công nhận quyền sử dụng đối với thửa đất số 115, tờ bản đồ PL1, diện tích 122m² tại tổ dân phố Th 1, phường L, tỉnh Ninh Bình thì theo tài liệu đã thu thập được có trong hồ sơ, nguồn gốc thửa đất nêu trên là từ thửa đất số 99, bản đồ địa chính năm 1998, diện tích 144m², chủ sử dụng đất là ông Lê Minh Ch và Bà Nguyễn Thị Nh, có nguồn gốc từ thửa đất số 76, bản đồ địa chính năm 1986 của ông Chu Văn B.

Theo nội dung di chúc và lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Lê Minh Ch và Bà Nguyễn Thị Nh là vợ chồng, cùng nhau mua đất, sinh sống và xây dựng nhà cửa, công trình phụ trên đất, không có ai tranh chấp. Sau khi ông Ch mất, có để lại di chúc, nguyện vọng chuyển quyền sử dụng, định đoạt thửa đất và toàn bộ tài sản trên đất cho vợ là bà Nh. Trên cơ sở đó, UBND huyện Kim Bảng đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên một mình Bà Nguyễn Thị Nh. Như vậy UBND huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận cho Bà Nguyễn Thị Nh là đúng đối tượng theo quy định tại Điều 49, Điều 52 Luật đất đai năm 2003.

[4]. Về công sức đóng góp: Bà Nguyễn Thị Nh trình bày một mình bà tôn tạo nền đất, xây dựng và trông coi, ở trên nhà đất từ khi ông Ch mất đi đến nay, các con riêng của ông Ch không có công sức đóng góp gì, ông Lê Công Ng trình bày khoảng năm 2000, ông có xây 01 căn phòng diện tích 24m² trên thửa đất nhưng ông đưa ra được căn cứ chứng minh và cũng không có yêu cầu về công sức đóng góp nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nghĩa vụ: Các đương sự thống nhất trình bày trước khi chết ông Ch không để lại nghĩa vụ gì nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về chi phí ma chay, cải cát, thuê nhà đất: Các đương sự đều có ý kiến không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về diện tích đất nông nghiệp: Không có.

[5] Về án phí, chi phí tố tụng: Bà Nh là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Về chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu Tòa án xem xét, thẩm định, định giá tài sản. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng và đã chi phí với số tiền 4.800.000đồng, tại phiên tòa nguyên đơn xin chịu toàn bộ và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 184; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 623; Điều 624; Điều 625; Điều 626; Điều 627; Điều 628; Điều 630; Điều 631; Điều 635; Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Nh.
2. Công nhận bản di chúc lập ngày 02/5/2006 của ông Lê Minh Ch là hợp pháp.
3. Công nhận quyền sử dụng đất thửa số 115, tờ bản đồ PL1, diện tích 122 m² tại tổ dân phố Th1, phường L, tỉnh Ninh Bình, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Bà Nguyễn Thị Nh thuộc quyền quản lý, sử dụng của Bà Nguyễn Thị Nh.

Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

4. Về án phí, chi phí tố tụng

- Án phí: Bà Nguyễn Thị Nh được miễn án phí dân sự sơ thẩm.
- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị Nh tự nguyện xin chịu toàn bộ 4.800.000đồng, Bà Nh đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và những người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5-Ninh Bình;
- Chi cục THADS khu vực 5-Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Nguyệt